

MV

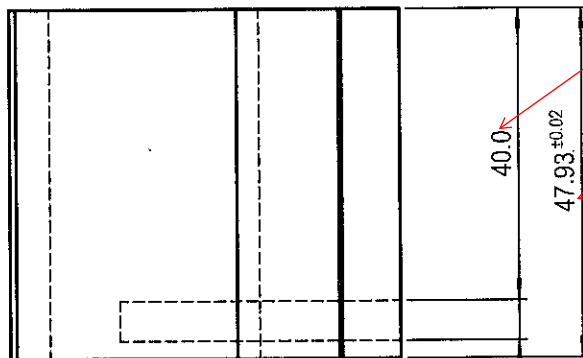
7126

| REV. | DATE | DESCRIPTION | REF.No. | DWN. | CHKD. | CUTTING TOLERANCE | | | |
|-------|-----------|--------------------------|---------------|-------------|---------------|-------------------|---------|----------|--------------|
| init. | | | | | | 0.0000 | ± 0.002 | 0.000 +0 | +0 -0.005 |
| △ | 2014/8/29 | 取付け対策の為(S799144→S928294) | VDM-LK-14-021 | Wu_Chin_Wuu | Chang_Fu_Rung | 0.000 | ± 0.005 | 0.000 -0 | +0.005 -0 |
| △ | | | | | | 0.00 | ± 0.01 | 0.00 +0 | +0 -0.01 |
| △ | | | | | | 0.0 | ± 0.1 | 0.00 -0 | +0.01 -0 |
| | | | | | | 0. | ± 0.2 | 0.0 +0 | +0 -0.1 |
| | | | | | | | | 0.0 -0 | +0.1 -0 |

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G (FL)



MC-GS2

MA-GS2

5.5

MC

MC-GS2

MC

GS2

GO4
(58~60)

3.0°

10°

47.20

27.24

54.0

8.0

2.5

17.155

31.3

R4.5

1.5

7.15±0.1

MC-GS2

MA-GS2

2-C1

MC

MC-GS2

MC (1.7) -GS2

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

phay

đủ

chiều

sâu

bạc

hàn

(4)

切刃

WC ロウ付け

10°

3.0°

47.20

27.24

54.0

8.0

2.5

17.155

31.3

R4.5

1.5

7.15±0.1

MC-GS2

MA-GS2

2-C1

MC

MC-GS2

MC (1.7) -GS2

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

MC

A部詳圖(5/1)

MC-AF

R1.5 FL
(手仕可)

| DSGND. | CHKD. | TITLE | PARTS NAME |
|-----------------|---------------|---------------------|------------------|
| Wu_Chin_Wuu | Chang_Fu_Rung | 部品図 PART DRAWING | カットダイ CUT DIE |
| QUENCH&TEMPER | SURFACE | 部品図 | 切割下模 |
| HRC 58°~60° | | 部品図 | 切割下模 |
| MATERIAL | DATE | SCALE | DWG.No. |
| GO4+WC(D25/HIP) | 2014/08/29 | 1:1 | S928294 |

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **S928294**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

| DIỄN GIẢI | THỜI GIAN CHUẨN 1P |
|---|--|
| 1.VẬT LIỆU: G04:T19*53*60(AA) WCD25:T9*7*50(EW1) | AA:20 MA:30 MC:90 HT:40 EW:30 GS1:30 WG:30 GS2:120 AF:20 KT |